

Bản án số: 49/2018/TLST-DS
Ngày: 26-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tìm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung.
2. Ông Đào Duy Trâm.

Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa : Ông Mai Văn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 98/2018/TLST-DS ngày 05-6-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-DS ngày 02-11-2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà Mai Thị Thu V.** Có mặt.

Địa chỉ: Số aa, thôn S, xã S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

* Bị đơn: **Vợ chồng anh K'S** (Còn có tên gọi khác là K'L) và **chị Ka H.** Vợ chồng vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số ab, thôn S, xã S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và theo lời KH trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2013, vợ chồng anh K'S (Còn có tên gọi khác là K'L) và chị Ka H cần tiền đầu tư chăm sóc cà phê nên vợ chồng có vay của bà V số tiền 91.900.000đ. Khi vay tiền ông K'L có tự tay viết giấy nhận nợ, hẹn đến cuối tháng

12/2013 tức đến mùa thu hái cà phê sẽ thanh toán. Tháng 4/2017 bà đã đề nghị UBND xã Sơn Điền mời các bên lên làm việc, tại buổi làm việc các bên đã thừa nhận nợ, hẹn cuối năm nhưng vẫn không trả cho bà. Hàng năm đến cuối mùa cà phê bà V đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng anh K'S và chị Ka H cứ hứa dằn nhưng không chịu thanh toán. Nay bà V yêu cầu vợ chồng anh K'S và chị Ka H trả số tiền gốc đã vay là 91.900.000đ. Bà không yêu cầu tính tiền lãi. Tài liệu chứng cứ chứng minh là Giấy nhận nợ (Bút lục số 18-19).

Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên vợ chồng anh K'S và chị Ka H không đến Tòa làm việc, do đó Tòa án không ghi được lời KH của vợ chồng anh K'S và chị Ka H.

Theo biên bản xác minh của UBND xã Sơn Điền ngày 19/10/2018 cho thấy Ông K'S, địa chỉ số 34 thôn Hà Giang, xã Sơn Điền, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng còn có tên gọi khác là K'L, tức K'S và K'L là một người.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thì thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viên kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phân án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp. Tại phiên tòa vợ chồng anh K'S và chị Ka H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vợ chồng anh K'S và chị Ka H không đến Tòa làm việc, không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt vợ chồng anh K'S và chị Ka H là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp : Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời trình bày của V, giấy nhận nợ (Bút lục số 18, 19) ; lời KH của bà V và Biên bản làm việc giữa bà V và vợ chồng anh K'S và chị Ka H ngày 04/4/2017, tại UBND xã Sơn Điền (Bút lục số 07-04) thì giữa bà V và vợ chồng anh K'S và chị Ka H có việc thỏa thuận vay mượn số tiền 91.900.000đ, nên ngày 01/01/2013 anh K'S (K'L) mới tự tay viết giấy nhận nợ với bà V. Đến ngày 02/6/2013 do vẫn không trả được số tiền nợ nên ông

K'S mới tiếp tục viết giấy khất nợ lần thứ H cho bà V. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh K'S (K'L) và chị Ka H có vay của bà Mai Thị Thu V số tiền 91.900.000đ nhưng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu kiện đòi số tiền nợ gốc của bà V là phù hợp. Do bà V không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lãi là phù hợp.

Theo lời trình bày của bà V thì bà cho rằng mục đích vay tiền của vợ chồng anh K'S và chị Ka H là để chăm sóc cả phê, phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy thời điểm vợ chồng anh K'S và chị Ka H vay tiền của bà V là khoản thời gian vợ chồng vẫn còn sống chung, mục đích vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng anh K'S và chị Ka H có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền gốc nói trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp toàn bộ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc vợ chồng anh K'S và chị Ka H chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc phải trả cho bà V là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 ; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 ; Điều 144 ; 147 ; khoản 2 Điều 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357; 463; Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thu V. Buộc vợ chồng anh K'S (Còn có tên gọi khác là K'L) và chị Ka H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Thu V số tiền nợ gốc là 91.900.000đ (Chín mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng anh K'S (Còn có tên gọi khác là K'L) và chị Ka H phải chịu 4.595.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị Thu V số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009057 ngày 05-6-2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công KH tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

K'Tìm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2018/TLST-DS ngày 05-6-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: ông K' Tím.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm và bà Lê Thị Chung.

NỘI DUNG

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

Hội thẩm Chung ý kiến:

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp. Tại phiên tòa vợ chồng anh K'S và chị Ka H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vợ chồng anh K'S và chị Ka H không đến Tòa làm việc, không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt vợ chồng anh K'S và chị Ka H là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp : Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời trình bày của V, giấy nhận nợ (Bút lục số 18, 19) ; lời KH của bà V và Biên bản làm việc giữa bà V và vợ chồng anh K'S và chị Ka H ngày 04/4/2017, tại UBND xã Sơn Điền (Bút lục số 07-04) thì giữa bà V và vợ chồng anh K'S và chị Ka H có việc thỏa thuận vay mượn số tiền 91.900.000đ, nên ngày 01/01/2013 anh K'S (K'L) mới tự tay viết giấy nhận nợ với bà V. Đến ngày 02/6/2013 do vẫn không trả được số tiền nợ nên ông K'S mới tiếp tục viết giấy khát nợ lần thứ H cho bà V. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh K'S (K'L) và chị Ka H có vay của bà Mai Thị Thu V số tiền 91.900.000đ nhưng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu kiện đòi số tiền nợ gốc của bà Ka Rô là phù hợp. Do bà V không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lãi là phù hợp.

Theo lời trình bày của bà V thì bà cho rằng mục đích vay tiền của vợ chồng anh K'S và chị Ka H là để chăm sóc cả phê, phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy thời điểm vợ chồng anh K'S và chị Ka H vay tiền của bà V là khoản thời gian vợ chồng vẫn còn sống chung, mục đích vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng anh K'S và chị Ka H có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền gốc nói trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp toàn bộ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc vợ chồng anh K'S và chị Ka H chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc phải trả cho bà V là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Ý kiến hội thẩm Trâm: Thống nhất với ý kiến hội thẩm Phúc.

Ý kiến Thẩm phán chủ tọa: Thống nhất ý kiến H hội thẩm.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất tuyên xử:

Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 ; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 ; Điều 144 ; 147 ; khoản 2 Điều 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357; 463; Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thu V. Buộc vợ chồng anh K'S (Còn có tên gọi khác là K'L) và chị Ka H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Thu V số tiền nợ gốc là 91.900.000đ (Chín mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng anh K'S (Còn có tên gọi khác là K'L) và chị Ka H phải chịu 4.595.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị Thu V số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009057 ngày 05-6-2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công KH tại UBND xã phường, thị trấn nơi đang sự cư trú.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa